

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 154/2023/HC-ST

Ngày: 21/9/2023

V/v “*Kiện QĐHC trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Cảnh, bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 72/2023/TLST-HC ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2023/QĐXXST-HC ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn số 127/2023/QĐST-HC ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Th – sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Võ Quang H – sinh năm 1981; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc – Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Lê Đại Th – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (theo văn bản ủy quyền số 52/GUQ-UBND ngày 11/5/2023) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Văn C, C/v: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và ông Võ Quang H, C/v: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quang H – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền số 380/GUQ-TTPTQĐ ngày 04/7/2023) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:***

Về nguồn gốc đất: Đất do nhà nước giao cho Công ty cao su Đắk Lắk – Nông Trường 30/4 (nay là chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk – Nông trường 30/4) quản lý và sử dụng. Năm 1998, Nông trường 30/4 giao đất cho cán bộ công nhân viên của Nông trường để trồng cà phê và ký hợp đồng liên kết nhưng không đầu tư về vốn. Do hợp đồng liên kết bị lỗi đến năm 1994 Nông trường ký lại hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với ông Nguyễn Th theo hợp đồng liên kết 97/94 HĐLK có thời hạn đến hết năm 2008 với diện tích 1.000m². Từ khi ký hợp đồng liên kết cho đến nay gia đình ông Nguyễn Th là đối tượng trực tiếp quản lý sử dụng, canh tác sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này có nguồn thu nhập ổn định và không có tranh chấp với ai cho đến khi nhà nước thu hồi đất. Diện tích đo đạc thực tế bị thu hồi là 1.004,3m² đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/8/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (Gọi tắt là Quyết định số 5426), trong đó có hộ gia đình ông Th nhưng không thực hiện việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và các chính sách hỗ trợ cho gia đình ông Th theo quy định của pháp luật là thiếu sót bởi vì lí do sau:

1. Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hộ ông Nguyễn Th là hộ gia đình đang sử dụng đất liên kết vào mục đích nông nghiệp, đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, là người lao động đang trực tiếp sản xuất, bị mất việc làm khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng không được UBND TP. Buôn Ma Thuật hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng với quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

2. Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất:

Đất của gia đình ông Th sử dụng có nguồn gốc là đất liên kết nhưng không được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất là không đúng với quy định của pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

3. Về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Đề nghị được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 luật đất đai năm 2013 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư

khi nhà nước thu hồi đất và khoản 2, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-ngày 19/12/2019 của UBND Tỉnh Đắk Lắk.

4. Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng (Hỗ trợ khác):

Nếu trong trường hợp UBND thành phố B không xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019 ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi bổ sung điều 23 Quyết định số 39/2014 ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk

Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (bên cạnh nhà máy bia và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh 6ha – đợt 1);

- Hủy công văn số 36/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Th;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng khi nhà nước thu hồi đất trong trường hợp không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B là ông Lê Đại T trình bày:**

Về nguồn gốc đất: Đúng như người khởi kiện trình bày.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì phía Ủy ban có quan điểm như sau:

- *Về bồi thường chi phí đầu tư vào đất:* Tại thời điểm UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất (năm 2014) của Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su 30/4 và thời điểm UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2020 hộ gia đình ông Nguyễn Th đang sử dụng đất nhưng không phải là do nhận giao khoán vì hợp đồng liên kết đã hết hạn năm 2008, tuy nhiên ông Nguyễn Th vẫn canh tác và sử dụng trên diện tích đất này nên hộ ông Nguyễn Th không được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất.

- *Về nội dung yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:* Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai quy định, xác định hộ ông Nguyễn Th thuộc đối tượng ký Hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với Nông trường 30/4. Hợp đồng liên kết trồng cây cà phê đã hết hạn từ năm 2008 và đất đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 450/QĐ-UBND, ngày 04/3/2014. Tại thời điểm UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất (năm 2014) của Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk

Lắc - Nông trường cao su 30/4 và thời điểm UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2020 hộ ông Nguyễn Th đang sử dụng đất nhưng không phải là do nhận khoán vì hợp đồng liên kết đã hết hạn năm 2008 mà do chiếm đất nên không thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Do vậy không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ.

- *Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất:* Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, xác định hộ ông Nguyễn Th không phải là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 30 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

Do đó ngày 10/8/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (đợt 1); Trong đó: không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Th.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, đồng thời là người bảo vệ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố B là ông Võ Quang H trình bày:** Nhất trí với quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B và bổ sung thêm công văn số 36/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lại lời đơn của ông Nguyễn Th không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nên không phải là quyết định hành chính bị kiện theo khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính thì quyết định Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính;

Cần xác định người bị kiện trong vụ án này là Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì mới đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th về việc hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B và hủy Công văn số 36/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát

triển quỹ đất thành phố B, buộc UBND thành phố B phải xem xét hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng cho hộ ông Nguyễn Th. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th về việc buộc UBND thành phố B phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác quy định tại khoản 3 Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 10/8/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Th. Không đồng ý với Quyết định trên nên ngày 31/12/2022, ông Th làm đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thành phố B về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B lập phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất và các khoản hỗ trợ khác cho ông Th theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 05/01/2023, Văn phòng HĐND - UBND thành phố B có Công văn số 01/VP về việc xử lý đơn của ông Th, nội dung giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kiểm tra xử lý theo quy định của pháp luật, trả lời công dân và báo cáo kết quả về UBND thành phố biết, nếu vượt thẩm quyền thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, tham mưu giải quyết. Ngày 10/3/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Công văn số 36/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Th (Gọi tắt là Công văn số 36), nội dung không có cơ sở xem xét đền bù, hỗ trợ bổ sung. Như vậy, Công văn số 36 có chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th, do đó đương nhiên khôi phục lại thời hiệu khởi kiện của ông Th đối với Quyết định số 5426. Ngày 27/3/2023, ông Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên hủy một phần Quyết định số 5426; hủy Công văn số 36 và buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo quy định của pháp luật là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính; Quyết định số 5426, Công văn số 36 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th về việc hủy một phần Quyết định số 5426, thấy rằng:

[2.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013 thì UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền.

[2.2] Nguồn gốc đất: Do Nhà nước giao cho Công ty cao su Đắk Lắk – Nông Trường 30/4 (nay là chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk – Nông trường 30/4) quản lý và sử dụng. Năm 1998, Nông trường 30/4 giao đất cho cán bộ công nhân viên của Nông trường để trồng cà phê và ký hợp đồng liên kết nhưng không đầu tư về vốn. Do hợp đồng liên kết bị lỗi đến năm 1994 Nông trường ký lại hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với ông Nguyễn Th theo hợp đồng liên kết 97/94 HĐLK có thời hạn đến hết năm 2008 với diện tích 1.000m². Từ khi ký hợp đồng liên kết cho đến nay gia đình ông Nguyễn Th trực tiếp quản lý, sử dụng canh tác, sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này; không có tranh chấp với ai; không bị Nông trường phản đối cho đến khi nhà nước thu hồi đất; diện tích đo đạc thực tế bị thu hồi là 1.004,3m² đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Do đó, hộ ông Th là đối tượng được xem xét để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.3] Xét yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với diện tích đất bị thu hồi, xét thấy:

Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì chi phí đầu tư vào đất còn lại *“là chi phí mà người sử dụng đất đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất nhưng đến thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất còn chưa thu hồi hết”*.

Như đã phân tích ở mục [2.2], theo hợp đồng liên kết 97/94 HĐLK của hộ ông Th ký kết có thời hạn đến hết năm 2008. Đến năm 2014, Nhà nước mới ban hành quyết định thu hồi đất. Như vậy, hợp đồng liên kết đã hết thời hạn, từ thời điểm có Quyết định thu hồi đất cho tới thời điểm phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình ông Th vẫn sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp là đã có lợi cho hộ gia đình ông Th, do đó không có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu này của ông Th.

[2.4] Xét yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, xét thấy:

Tại đơn xin xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp ngày 07/8/2023 thể hiện hộ ông Nguyễn Th gồm có ông Th và vợ là bà Phan Thị Thanh là hộ trực tiếp lao động sản xuất nông nghiệp có xác nhận của UBND phường Tân An, thành phố B và nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Do đó, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ); Điều 17, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND thì hộ ông Th được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, mức hỗ trợ theo điểm c khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì hộ ông Th có 02 nhân khẩu thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm.

[2.5] Xét yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng:

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Trường hợp không được xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì yêu cầu được xem xét hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019 ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số 39/2014 ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Như đã phân tích ở mục [2.3] thì hộ ông Th được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, do đó không xem xét đối với yêu cầu này của người khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu hủy Công văn số 36, HĐXX thấy rằng: Do không đồng ý với nội dung Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5426 nên ngày 31/12/2022, ông Th làm đơn kiến nghị đến UBND thành phố B. Ngày 05/01/2023, Văn phòng HĐND - UBND thành phố B có công văn số 01/VP về việc xử lý đơn của ông Th, nội dung giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kiểm tra xử lý theo quy định của pháp luật, trả lời công dân và báo cáo kết quả về UBND thành phố biết, nếu vượt thẩm quyền thì phải báo cáo, tham mưu UBND thành phố giải quyết. Ngày 10/3/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Công văn số 36 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Th, nội dung không có cơ sở xem xét đền bù, hỗ trợ. Căn cứ quy định tại Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011 thì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trả lời đơn kiến nghị của ông Th là không đúng thẩm quyền. Bởi lẽ, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với đơn kiến nghị, khiếu nại quyết định hành chính của UBND thành phố B của ông Th là của Chủ tịch UBND thành phố B. Do đó, yêu cầu hủy Công văn số 36 của ông Nguyễn Th là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th về việc hủy toàn bộ Công văn số 36 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; hủy một phần Quyết định số 5426, buộc UBND thành phố B phải phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Nguyễn Th. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th đối với nội dung đề nghị UBND thành phố B hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

[5] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, cần buộc người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 143; Điều 116; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011; Luật đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th.

1.1. Hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (bên cạnh nhà máy bia và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh 6ha đợt 1) đối với hộ ông Nguyễn Th. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với việc hỗ trợ ổn định đời sống; đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Nguyễn Th theo quy định của pháp luật.

1.2. Hủy Công văn số 36/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lại lời đơn của ông Nguyễn Th.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố thành phố B bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn